TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 122/2025/HS - ST
Ngày: 19 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Thẩm phán: Ông Phan Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Triều

2. Bà Phạm Đắc My Trân

3. Bà Tạ Thị Kim Tuyến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Hoài Chính - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2025/TLST-HS, ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 814/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Trọng N; giới tính: Nam; sinh năm 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số A đường NK, Phường B, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn Tiến L và bà Diệp Thị H; có vợ và 01 con sinh năm 2018; tiền sự: Không;

Tiền án: Tại Bản án số 77/2020/HS-ST ngày 04/5/2020 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 04 năm tù về tội Tàng trữ tiền giả; ngày 25/11/2022, chấp hành xong hình phạt tù;

Nhân thân: Bản án số 249/2015/HSST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 02 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức", tổng hợp hình phạt là 02 năm 06 tháng tù; ngày 28/02/2017, bị cáo chấp hành xong án phạt tù.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/01/2024; có mặt.

2. Phạm Văn P (tên gọi khác: Bi, Heo); giới tính: Nam; sinh năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số A đường NTT, Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Nhà không số cạnh số 182/19C đường HB, phường HBC, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn L và bà Trần Tuyết N; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 113/2012/HS-ST ngày 26/9/2012 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 05 tháng 22 ngày về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có";

- Bản án số 219/2020/HS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; ngày 03/8/2021, bị cáo chấp hành xong án phạt tù.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/01/2024; có mặt.

3. Lê Văn H; giới tính: Nam; sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số A đường TVQ, Phường B, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số B đường AC, Phường C, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; trình độ văn hóa: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông (không rõ) và bà Lê Thị Kim H, cha nuôi Võ Thanh T, mẹ nuôi Lê Thị Kim D; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 19/12/2023; có mặt.

4. Dương Xuân T (tên gọi khác: Lượm); giới tính: Nam; sinh năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số A đường ĐBP, Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Dương Xuân T (chết) và bà Bùi Thị T (chết); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 39/2024/HS-ST ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xử phạt bị cáo Dương Xuân T 07 năm tù về tội “Lưu hành tiền giả”;

- Quyết định số 01/2013/QĐST - HS ngày 05/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ vụ án đối với Dương Xuân T bị truy tố về tội "Cố ý gây thương tích".

Bị bắt, tạm giam từ ngày 07/3/2024; có mặt.

5. Lê Văn Q; giới tính: Nam; sinh năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số A đường TVQ, Phường B, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê Văn Q và bà Trương Thị T; tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 46/2021/HSST ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 năm tù về tội "Cướp giật tài sản"; ngày 13/11/2023, bị cáo chấp hành xong án phạt tù;

Nhân thân: Năm 2018 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 01 năm.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 19/12/2023; có mặt.

6. Trương Bá P (tên gọi khác: Tý lớn); giới tính: Nam; sinh năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số A đường PVC, Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Trương Bá L (chết) và bà Lê Thị C; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 20/2020/HS-ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; ngày 17/02/2021 chấp hành xong án phạt tù.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 07/3/2024; có mặt.

7. Lê Trung H; giới tính: Nam; sinh năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số A đường số B, Khu phố C, phường TT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp ĐT, xã TT, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị Kiều O (chết); có vợ và 03 con: lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/01/2024; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị Hồng L, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: A HB, phường HBC, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Ông Bùi Tiến P, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố B, phường LB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Trọng N và bị cáo Phạm Văn P: Luật sư Nguyễn Ngọc Trâm – Văn phòng luật sư Hồ Trung Hiếu, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H và bị cáo Lê Văn Q: Luật sư Trần Thị Huy Cát - Công ty luật TNHH Đại Cát, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi phạm tội "Lưu hành tiền giả" do Nguyễn Văn Trọng N, Lê Văn H và Lê Văn Q thực hiện:

Vào lúc 21 giờ 30 phút, ngày 19/12/2023, tại trước hẻm số A đường AC, Phường B, quận TB, Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Công an Phường 10, quận Tân Bình, phát hiện Lê Văn Q điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario chở Lê Văn H có biểu hiện nghi vấn, nên dừng xe kiểm tra, phát hiện trong túi quần bên phải của H có 22 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng giả (có trị giá tương ứng 11.000.000 đồng). H và Quốc khai Q chở H đi bán tiền giả, H trả 200.000 đồng tiền công cho Q, cơ quan công an đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng vật chứng.

Khám xét chỗ ở của Lê Văn H và Lê Văn Q không phát hiện đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội.

Kết luận giám định số 199/KL-KTHS ngày 26/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định "22 tờ giấy bạc mệnh giá 500.000 đồng thu giữ của Lê Văn H và Lê Văn Q là tiền giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu polymer".

Kết quả điều tra xác định: Đầu tháng 11/2023, thông qua mạng facebook, Lê Văn H biết N (N giới thiệu với H tên là T, sử dụng số điện thoại 0906349XXX), bán tiền giả với tỉ lệ 1:3 (tức là 1.000.000 đồng mua được 3.000.000 đồng tiền giả), nên H đã 07 lần chuyển khoản 40.000.000 đồng và trả tiền mặt 5.000.000 đồng, mua 135.000.000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 500.000 đồng của N. Sau đó, H đã rao bán lại trên mạng xã hội cho những người khác (không rõ lai lịch), với tỉ lệ 1:2 (tức là 1.000.000 đồng mua được 2.000.000 đồng tiền giả). H đã bán được 124.000.000 đồng tiền giả, giá 60.000.000 đồng tiền thật. Trong đó, đã xác định được như sau:

Lần thứ nhất: Đầu tháng 11/2023, H chuyển 5.000.000 đồng vào tài khoản khoản 104868222610 tên NGUYEN VAN TRONG N tại Ngân hàng Vietinbank, mua 15.000.0000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 500.000 đồng của N, giao dịch tại quán cà phê trên đường BĐ, quận TB. Sau đó, H đăng thông tin bán tiền giả trên tài khoản facebook "Lê H", kèm tài khoản Zalo và số điện thoại 0777186XXX của H. Đầu tháng 12/2023, người phụ nữ sử dụng tài khoản Zalo "Khoảng Lặng" mua 10.000.000 đồng tiền giả của H, giá 5.000.000 đồng, H tặng thêm 1.000.000

đồng tiền giả (tổng cộng 11.000.000 đồng tiền giả), giao dịch tại quán nước lề đường (không xác định địa chỉ).

Lần thứ hai: Ngày 17/12/2023, H chuyển 5.000.000 đồng vào tài khoản 104868222610 tên NGUYEN VAN TRONG N tại Ngân hàng Vietinbank mua 15.000.0000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 500.000 đồng của N, giao dịch tại quán cà phê trên đường BĐ, quận Tân Bình. Lần này, Lê Văn Q đi cùng với H, để giúp H mua bán tiền giả (chở Hiếu đi, cảnh giới, nếu bị phát hiện thì chở H tẩu thoát), nhưng N chỉ có 10.000.000 đồng tiền giả để giao cho H, số còn lại sẽ giao sau. Sau đó, H hẹn người phụ nữ sử dụng tài khoản Zalo "Khoảng Lặng", để H và Q bán 10.000.000 đồng tiền giả, giá 5.000.000 đồng, H tặng thêm 1.000.000 đồng tiền giả (tổng cộng 11.000.000 đồng tiền giả), giao dịch tại quán nước lề đường (không xác định địa chỉ), Q cho H 200.000 đồng tiền công.

Lần thứ ba: Ngày 19/12/2023, H và Q thuê phòng tại khách sạn Minh T tại khu vực đường Bạch Đ, quận TB (không xác định địa chỉ), để N đến giao 20.000.000 đồng tiền giả cho H (trong đó có 5.000.000 đồng tiền giả N còn thiếu trước đó vào ngày 17/12/2023) và lấy 5.000.000 đồng của H. Sau đó, H hẹn người phụ nữ sử dụng tài khoản Zalo "Khoảng Lặng", để H và Q bán 10.000.000 đồng tiền giả, giá 5.000.000 đồng, H tặng thêm 1.000.000 đồng tiền giả (tổng cộng 11.000.000 đồng tiền giả), giao dịch tại quán nước trên lề đường (không xác định được địa chỉ), Q cho H 200.000 đồng tiền công.

Lần thứ tư: Cùng ngày 19/12/2023, Q điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario biển số 59P3-XXX.XX chở H mang theo 22 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng giả (có trị giá tương ứng 11.000.000 đồng) đi giao cho người mua tại khu vực đường AC, quận TB, thì bị phát hiện, bắt giữ như trên. Tổng cộng, H thu lợi 15.000.000 đồng, Quốc thu lợi 400.000 đồng.

Tại Cơ quan An ninh điều tra, Lê Văn H và Lê Văn Q khai nhận hành vi như trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

2. Hành vi phạm tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả" do Dương Xuân T thực hiện:

Vào lúc 20 giờ ngày 04/01/2024, ông Bùi Tiến P là nhân viên của dịch vụ giao hàng Ahamove điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 60B8-XXX.XX vào Trạm xăng dầu số 27 thuộc khu phố TT, phường BT, thành phố DA, tỉnh Bình Dương, đổ 40.000 đồng tiền xăng và lấy tờ mệnh giá 500.000 đồng, để trả tiền, nhân viên cây xăng phát hiện là tiền giả, nên đã trình báo Công an phường BT, thành phố DA, tỉnh Bình Dương. Cơ quan cocong an phát hiện trong ví của ông Bùi Tiến P còn có 11 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng giả (trị giá tương ứng 5.500.000 đồng), nên đã lập Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, cùng vật chứng.

Kết luận giám định số 469/KL-KTHS ngày 17/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, xác định "12 tờ giấy bạc mệnh giá 500.000 đồng thu giữ của ông Bùi Tiến P là tiền giả được làm bằng phương pháp in phun màu điện tử".

Kết quả ghi lời khai Dương Xuân T xác định: Ngày 29/12/2023, Phạm Văn P nhờ T tiêu thụ tiền giả (tiêu thụ được 6.000.000 đồng tiền giả, sẽ cho T 3.000.000 đồng tiền), T đồng ý. Phạm Văn P hướng dẫn T đặt mua điện thoại di động trên các trang mạng bán hàng trực tuyến và trả bằng tiền giả. Phạm Văn P đưa số điện thoại 0587073328 cho T sử dụng và hứa sẽ đưa cho 6.000.000 đồng tiền giả (loại mệnh giá 500.000 đồng), để trả tiền mua điện thoại di động. Ngày 31/12/2023, T sử dụng số điện thoại 0938538155 và tài khoản Zalo tên "Nặng" của T liên hệ với nhân viên bán hàng trực tuyến của hãng Viettablet tên Huỳnh Bích N, đặt mua điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đỏ, giá 7.240.000 đồng. T gọi điện thoại nói P mua 02 thẻ nạp tiền điện thoại di động trả trước giá 150.000 đồng, chuyển mã thẻ cho T, T chuyển cho nhân viên bán hàng trực tuyến, để đặt cọc mua điện thoại di động theo yêu cầu của chị N. T cung cấp thông tin người nhận tên Trương T (địa chỉ số A đường số B, khu phố C, phường HBC, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) (tên và địa chỉ do T tự nghĩ ra), số điện thoại 0587073XXX, rồi báo cho của Phạm Văn P biết. Phạm Văn P nhờ 02 người đàn ông (không rõ lai lịch) đưa thêm 1.100.000 đồng và 6.000,000 đồng tiền giả cho T và cùng T chờ tại quán cà phê (thuộc phường HBC, thành phố Thủ Đức), để lấy điện thoại di động. Sau đó, ông Bùi Tiến P là nhân viên của dịch vụ giao hàng Ahamove gọi vào số điện thoại 0587073XXX, để giao điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đỏ cho T (trước đó, ông Bùi Tiến P phải ứng trước 7.000.000 đồng cho cửa hàng, để lấy điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đỏ). T lấy 6.000.000 đồng tiền giả và 1.100.000 đồng (trong đó có 100.000 đồng tiền công của ông Bùi Tiến P, để trả tiền mua điện thoại di động cho ông Bùi Tiến P, T đưa lại điện thoại di động Iphone 11 màu đỏ cho người của Phạm Văn P (không thu giữ được). Sau khi nhận được tiền của T, ông Bùi Tiến P vào đổ xăng, thì bị phát hiện tiền giả như trên.

Tại Cơ quan An ninh điều tra, Dương Xuân T khai nhận hành vi như trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trong khi đó, do kết quả ghi lời khai Phạm Văn P và kết quả đối chất giữa T với Phạm Văn P, Phạm Văn P không khai nhận đã thực hiện hành vi như T đã khai, kết quả điều tra xác định Phạm Văn P không sử dụng số điện thoại 0587073XXX, nên ngoài lời khai của T, không có chứng cứ để xử lý đối với Phạm Văn P về hành vi đồng phạm tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả" với Dương Xuân T.

3. Hành vi phạm tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả" do Nguyễn Văn Trọng N, Phạm Văn P, Dương Xuân T và Lê Trung H thực hiện:

Vào lúc 19 giờ 30 ngày 10/01/2024, tại quán cà phê 34 (số A đường LVC, phường LT, thành phố TĐ, Phòng An ninh kinh tế Công an Thành phố Hồ Chí

Minh và Công an thành phố Thủ Đức, kiểm tra hành chính và phát hiện Nguyễn Văn Trọng N và Lê Trung H có hành vi tàng trữ tiền giả, nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng vật chứng, gồm: Thu giữ tiền giả của Nguyễn Văn Trọng N là 06 tờ mệnh giá 500.000 đồng, để trong ví da màu đen và 46 tờ mệnh giá 500.000 đồng, để trong ba lô màu đen (có giá trị tương ứng 26.000.000 đồng); 12 tờ giấy trắng A4; 06 tờ giấy trắng A3; 01 con dao cán tròn; 01 cây thước; 01 USB; 02 con dao rọc giấy; 02 lưỡi dao rọc giấy; 01 tấm kính vuông (20 x 20)cm; 01 máy tính xách tay hiệu Dell E7250 màu đen; 02 tờ giấy A4 in thông tin serial number W87K031548; 01 thẻ ngân hàng tên NGUYEN V T N; 02 điện thoại di động; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59VA-XXX.XX và 450.000 đồng. Thu giữ tiền giả của Lê Trung H là 09 tờ mệnh giá 500.000 đồng, để trong túi xách màu trắng (có trị giá tương ứng 4.500.000 đồng); 01 ví da màu nâu; 01 điện thoại di động và 01 xe mô tô hiệu Honda biển số 60FD-XXXX.

Khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn Trọng N tại số 4F đường NK, Phường A, quận GV, thu giữ có 01 ba lô màu đen có hoa văn trắng, N sử dụng để phạm tội.

Khám xét chỗ ở của Lê Trung H tại ấp ĐT, xã TT, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai, không phát hiện đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội.

Vào lúc 22 giờ cùng ngày 10/01/2024, Phòng An ninh kinh tế Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Công an phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, kiểm tra hành chính nơi Phạm Văn P thuê ở (nhà không số, cạnh nhà số 182/19C đường HP, phường HBC, thành phố Thủ Đức). Khi thấy lực lượng chức năng, P đã ném ra cửa sổ trong phòng tắm tại tầng 1 các đồ vật, tài liệu, gồm 16 tờ mệnh giá 500.000 đồng giả (có trị giá tương ứng 8.000.000 đồng); 03 tờ giấy khổ 16 x 20 cm (trên mỗi tờ giấy in hình 03 tờ mệnh giá 500.000 đồng). Ngoài ra, khám xét tại đây còn thu giữ 03 bản in tiền giả và các thiết bị, dụng cụ làm tiền giả, gồm máy in màu; máy sấy cầm tay; giấy in; mực in; keo dán; chất tẩy rửa; sơn loại chai xịt cầm tay; dao cắt giấy; thước kẻ bằng kim loại và 01 điện thoại di động, nên đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với P, cùng vật chứng.

Kết luận giám định số 1283/KL-KTHS ngày 19/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định "77 tờ giấy bạc mệnh giá 500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn Trọng N, Lê Trung H và Phạm Văn P là tiền giả, được làm giả bằng chất liệu polymer, phương pháp in phun màu".

Kết quả điều tra xác định: Phạm Văn P và Nguyễn Văn Trọng N có mối quan hệ quen biết. Ngày 05/12/2023, P đồng ý hàng tuần cho N sử dụng tầng 1 chỗ ở của P thuê (nhà không số, cạnh nhà số 182/19C đường HB, phường HBC, thành phố Thủ Đức) từ 02 đến 03 lần, để N đặt máy in màu; máy sấy cầm tay; giấy in; mực in; keo dán; chất tẩy rửa; sơn loại chai xịt cầm tay; dao cắt giấy; thước bằng kim loại, làm tiền giả, mỗi lần N cho P 200.000 nghìn đồng. P đã nhiều lần nhìn trực tiếp cách thức N làm tiền giả bằng cách sử dụng máy tính xách tay, gắn USB, kết nối với máy in màu hiệu Epson L805, in tiền giả loại tiền mệnh giá

500.000 đồng, sau đó xịt sơn phủ keo trong lên tiền giả, tạo hoa văn hình hoa sen, cắt các cạnh để hoàn thiện kích thước như tiền thật, xếp và gói kín tiền giả, bỏ vào ba lô của N mang đi cất giấu, để tiêu thụ. Mỗi lần đến làm tiền giả, N gọi điện thoại báo trước cho P biết. Trước khi bị phát hiện, tối ngày 09/01/2024, N đến nhà P làm tiền giả, đến sáng 10/01/2024, N lấy tiền giả đưa đi. Cùng ngày 10/01/2024, P và N bị phát hiện, bắt giữ như trên. Tổng cộng, từ ngày 05/12/2023 đến 10/01/2024, N đã cho P 2.000.000 đồng. Giữa năm 2023, Dương Xuân T thông qua Phạm Văn P quen biết với Nguyễn Văn Trọng N, T biết N làm tiền giả, nên cuối năm 2023, T đã nhiều lần chuyển khoản qua ngân hàng, mua tiền giả của N, bán lại cho người tên P (không xác định lai lịch), để thu lợi. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 03/01/2024, T chuyển 4.000.000 đồng vào tài khoản 104868222610 tại Ngân hàng Vietinbank tên NGUYEN VAN TRONG N, để mua 10.000.000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 500.000 đồng của N. Đến ngày 04/01/2024, T bán lại cho P (không rõ lai lịch), giá 5.000.000 đồng, tại khu vực trước Bệnh viện Quân y 175, quận Gò Vấp, Tuấn thu lợi 1.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 05/01/2024, T chuyển trước 2.000.000 đồng vào tài khoản 104868222XXX tại Ngân hàng Vietinbank tên NGUYEN VAN TRONG N, để mua 10.000.000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 500.000 đồng của N. Đến tối cùng ngày, tại nhà trọ của T (nhà không số đường HB, phường HBC, thành phố Thủ Đức, gần nhà của P thuê), N sử dụng dao (cán dao hình trụ tròn bằng kim loại), thước kẻ và 01 tấm kính để cắt rời 3.000.000 đồng tiền giả từ bản in, đưa cho T. T đưa đến quán cà phê tại khu vực đường HBP, phường HBP, thành phố Thủ Đức bán lại cho P, P trả trước 2.000.000 đồng cho T, khi nào T giao thêm 7.000.000 đồng tiền giả, thì trả 3.000.000 đồng còn lại. Sau đó, T đã 03 lần chuyển 2.650.000 đồng vào ví điện tử Momo của N (đăng ký bằng số điện thoại 0906349XXX của N), để trả tiền mua tiền giả của N. Đến ngày 08/01/2024, N đến nhà trọ của T (nhà không số đường HB, phường HBC, thành phố Thủ Đức) đưa 3.000.000 đồng tiền giả cho T, nhưng do tiền xấu, nên T gọi điện thoại báo cho N biết và yêu cầu đổi lại, N đồng ý hẹn tối sẽ gặp nhưng sau đó N không đến. Ngày 09/01/2024, do T làm ướt, lem mực in trên 3.000.000 đồng tiền giả, nên T đưa đi tiêu hủy. Đến ngày 10/01/2024, T đến nhà P thuê (nhà không số, cạnh nhà số 182/19C đường HB, phường HBC, thành phố Thủ Đức), để tìm N lấy tiền giả, thì biết P và N đã bị bắt giữ, nên T bỏ trốn. Đến ngày 07/3/2024, T bị phát hiện bắt quả tang về hành vi "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả", tại khách sạn AN 1 (số A đường TKD, phường TĐ, Quận 1).

Năm 2023, Lê Trung H quen biết người tên H1 (không rõ lai lịch, sử dụng số điện thoại 0764833XXX). Thông qua H1, H quen Nguyễn Văn Trọng N (sử dụng số điện thoại 0906349XXX). Ngày 10/01/2024, N và H gặp nhau tại quán cà phê 34 (số A đường LVC, phường LT, thành phố Thủ Đức). Khi đi H mang theo 09 tờ mệnh giá 500.000 đồng, để trong túi xách màu trắng (có trị giá tương

ứng 4.500.000 đồng). Số tiền giả này là của H1 đưa cho H vào ngày 09/01/2024, tại quán cà phê trên đường CD, phường LC, thành phố Thủ Đức, để H tiêu xài và H1 nói cho H biết N là người làm ra số tiền giả này, để bán, H có thể mua khi cần, nhưng do thấy số tiền giả này xấu, nên H không dám sử dụng, vì sợ bị phát hiện. Cùng ngày 10/01/2024, H bị phát hiện, bắt giữ như trên.

4. Hành vi phạm tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả" do Dương Xuân T và Trương Bá P thực hiện:

Lúc 10 giờ 25 phút ngày 07/3/2024, tại trước khách sạn AN 1 (địa chỉ số 53/43 đường TKD, phường TĐ, Quận 1), Công an Quận 1 phát hiện Hoàng Thị Hồng L đưa 02 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng (có trị giá tương ứng 1.000.000 đồng) cho Trương Bá P; đồng thời, phát hiện Dương Xuân T đang làm tiền giả trong nhà vệ sinh của Phòng 203 khách sạn AN 1, thu giữ 12 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng (có trị giá tương ứng 6.000.000 đồng). T khai 02 tờ tiền giả là của T nhờ L (là bạn gái của T) đưa xuống cho P, để đi bán cho người mua, nên đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T, P và L, cùng vật chứng.

Khám xét chỗ ở của Trương Bá P tại nhà số 79/20/1L đường PVC, Phường A, quận BT, thu giữ 07 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng (trị giá tương ứng 3.500.000 đồng).

Kết luận giám định số 3443/KL-KTHS ngày 13/3/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định "21 tờ giấy bạc mệnh giá 500.000 đồng thu giữ của Dương Xuân T và Trương Bá P là giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu polymer".

Kết quả điều tra xác định tháng 02/2024, Dương Xuân T lên các trang mạng xã hội để tìm hiểu thông tin và cách thức làm tiền giả. T mua máy móc và dụng cụ, gồm máy in hiệu Epson; máy laptop hiệu Lenovo; máy sấy hiệu Furin; giấy nylon khổ A4; dao rọc giấy; sơn phun hiệu ATM Spray; sơn bóng; sơn nhám và keo sữa, đưa về chỗ ở (nhà không số, hẻm A, phường HBC, thành phố Thủ Đức) làm tiền giả, để bán thu lợi. T làm tiền giả bằng cách xịt sơn phun vào hai mặt giấy nylon khổ A4 để khô, dùng bông xốp quét keo sữa chồng lên lớp sơn phun và sấy khô để tạo phôi in. Sau đó, T sử dụng máy laptop tải hình ảnh tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, bỏ phôi in vào máy in để in 02 mặt của tờ tiền, dùng dao rọc giấy cạo ô cửa sổ lớn nhỏ (hình bông sen), rồi cắt ra tờ tiền giả thành phẩm có kích thước trùng hợp với tiền thật, xịt sơn nhám lên từng tờ tiền để tạo độ nhám. Bằng cách này, T đã làm được 1.000.000 đồng tiền giả.

Đến ngày 04/3/2024, T sử dụng Căn cước công dân tên Khưu Quốc C thuê Phòng 203, khách sạn AN 1 (địa chỉ số A đường TKD, phường TĐ, Quận 1), để làm tiền giả. Ngày 05/3/2024, T đưa cho Trương Bá P 1.000.000 đồng tiền giả tại sảnh khách sạn AN 1, để P đi tiêu thụ. Do thấy tiền xấu, nên P cất giấu 1.000.000 đồng tiền giả tại chỗ ở của P (số 79/20/1L đường PVC, Phường A, quận BT).

Ngày 06/3/2024, T tiếp tục làm được 9.500.000 đồng tiền giả, trong đó có 2.500.000 đồng tiền giả bị lỗi. Lúc 01 giờ ngày 07/3/2024, P đến khách sạn AN 1, để chở T đi ăn, T đưa cho Phúc 2.500.000 đồng tiền giả bị lỗi, để P tiêu hủy, nhưng P cất giấu số tiền giả này tại chỗ ở của P (số 79/20/1L đường PVC, Phường A, quận BT), mà không tiêu hủy. Lúc 05 giờ 30 phút cùng ngày 07/3/2024, Hoàng Thị Hồng L (bạn gái T) đến Phòng 203 khách sạn AN 1, để ngủ lại. Đến 10 giờ cùng ngày, do T đang làm tiền giả trong nhà vệ sinh, nên T lấy 1.000.000 đồng tiền giả, nhờ L mang xuống trước sảnh khách sạn AN 1, đưa cho P, để P đi tiêu thụ, thì bị phát hiện bắt quả tang.

Tại bản Cáo trạng số 72/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Văn Trọng N và Dương Xuân T về tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả"; Phạm Văn P về tội "Làm, tàng trữ tiền giả"; Lê Văn H và Lê Văn Q về tội "Lưu hành tiền giả"; Trương Bá P về tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả"; Lê Trung H về tội "Tàng trữ tiền giả" theo Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Trọng N từ 15 năm đến 16 năm tù về tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2024;

Phạt tiền bổ sung 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn P từ 10 năm đến 11 năm tù về tội "Làm, tàng trữ tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2024;

Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 12 năm đến 13 năm tù về tội "Lưu hành tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2023;

Phạt tiền bổ sung 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

4. Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Dương Xuân T từ 06 năm đến 07 năm tù về tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2023;

Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

5. Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q từ 06 năm đến 07 năm tù về tội "Lưu hành tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2023;

Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

6. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trương Bá P từ 04 năm đến 05 năm tù về tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2023;

Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

7. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Lê Trung H từ 04 năm đến 05 năm tù về tội "Tàng trữ tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2024;

Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Đề nghị xử lý vật chứng và bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Trọng N và Phạm Văn P trình bày:

- Đối với bị cáo Phạm Văn P: Luật sư thống nhất về tội danh, điều khoản Viện kiểm sát đã truy tố với bị cáo. Tuy nhiên, về mức hình phạt có phần quá nghiêm khắc xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, bị cáo chỉ vì lợi ích vật chất ít ỏi do hoàn cảnh quá khó khăn và không tham gia trực tiếp vào hành vi phạm tội mà mặc nhiên đồng ý với hành vi phạm tội của bị cáo N. Kính mong Hội đồng xét xử xem về gia cảnh bị cáo có 02 người con không ai chăm sóc, có cha bị tai biến và là lao động chính trong gia đình. Bị cáo đã thành khẩn khai bảo, ăn năn hối cải do đó, đề nghị cho bị cáo Phát được hưởng mức án thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát và xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phát.

Bị cáo Phạm Văn Phát đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư và không tranh luận bổ sung.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Trọng N: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, việc cho rằng bị cáo N không thành khẩn là không hợp lý, luật không bắt buộc bị cáo phải nhận tội, bị cáo chỉ khai nhận đối với hành vi mà mình thực hiện. Cũng chỉ vì bị cáo thiếu hiểu biết pháp luật, còn hạn chế, bị cáo vẫn thừa nhận số tiền mang theo trong người 26 triệu đồng là hành vi tàng trữ tiền giả chứ không phải hoàn toàn không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét công tâm, khách quan, tổng quan về các chứng cứ trong vụ án, có tình có lý đối với bị cáo N.

Bị cáo Nguyễn Văn Trọng N đồng ý quan điểm bào chữa của Luật sư, trình bày bổ sung: Đề nghị xem xét lại các chứng cứ cho bị cáo vì chứng cứ trong vụ án không phải là bằng chứng buộc tội bị cáo, bị cáo không có tin nhắn cuộc gọi nào trước cho P là sẽ tới nhà của P làm tiền giả, không gian nơi ở của P thì không phù hợp để làm tiền giả vì ai cũng có thể nhìn thấy. Những lần H chuyển tiền cho bị cáo nội dung toàn là ráp máy tính nhưng không hiểu tại sao là bị cáo H lại khai là tiền mua tiền giả, hình ảnh H quay bị cáo cắt thì là H nhờ bị cáo cắt giùm decal chứ không phải là tiền giả, lý do quay bị cáo và nói đó là tiền giả bị cáo không biết. Đối với bị cáo T thì đã biết P từ trước, điều vô lý là khi T khai mua tiền giả của bị cáo vì T biết làm tiền giả tại sao T lại mua tiền giả của bị cáo và những hình ảnh T chụp hình qua cho bị cáo xem đó là tiền thật, T muốn đổi lại tiền với bị cáo vì bị cáo có nói là có dịch vụ đổi tiền thật bị hư hỏng thấp hơn khi đi đổi tiền chứ không phải tiền giả. Cơ quan điều tra không xác định được tiền giả và cũng không giám định được đó là của bị cáo đã buộc tội bị cáo. Bị cáo chưa được đối chất với các bị cáo khác trong vụ án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn H, Lê Văn Q trình bày:

- Đối với bị cáo Lê Văn H: Luật sư thống nhất về tội danh, điều khoản Viện kiểm sát đã truy tố, mức án Viện kiểm sát đề nghị với bị cáo là quá nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình cho bị cáo H. Bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tại thời điểm bắt quả tang số tiền 11 triệu đồng tiền giả đã bị thu lại nên hạn chế sự phát tán ra bên ngoài, bị cáo là lao động chính, bố đã mất, mẹ bị cáo già yếu, bố mẹ nuôi cũng đã già yếu nên xin được xét áp dụng cho bị cáo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, đề nghị áp dụng cho bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi đã khắc phục số tiền thu lợi chính 10 triệu đồng.

- Đối với bị cáo Lê Văn Q: Luật sư thống nhất về tội danh, điều khoản Viện kiểm sát đã truy tố với bị cáo, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo H là người đề nghị bị cáo Q cùng đi lưu hành tiền giả, bị cáo không biết ngay từ đầu và cũng không chủ động lưu hành tiền giả. Khi đi cùng H gặp người mua tiền giả, bị cáo Q cũng ngồi ở xa và không ngồi trực tiếp giao dịch cùng H và người mua tiền giả. Bị cáo chỉ được trả tiền công là thu lợi bất chính

số tiền 400 nghìn đồng, những lần chở bị cáo H đi cũng không có sự thỏa thuận trả công rõ ràng nào của H và bị cáo Q đã nộp lại số tiền 400 nghìn đồng này nên cho bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có ông ngoại là người có công nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án khoan hồng hơn mức án đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo Lê Văn H, Lê Văn Q đồng ý lời bào chữa và không bổ sung thêm.

Bị cáo Trịnh Bá P trình bày: Bị cáo chỉ mua vé giúp T chứ không thực hiện hành vi lưu hành tiền giả, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên tại điểm g Điều 52 Bộ luật Hình sự là không đúng.

Bị cáo Lê Trung H trình bày: Bị cáo chỉ có hành vi tàng trữ tiền giả chứ không có hành vi lưu hành tiền giả.

Bị cáo Dương Xuân T trình bày: Bị cáo xin được khắc phục bồi thường cho anh Bùi Tiến P tại tòa để được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Kiểm sát viên đối đáp:

Đối với lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo P: Đề nghị Hội đồng xem xét căn nhắc số tiền phạt cho các bị cáo trong vụ án;

Đối với bị cáo N: Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và mức hình phạt đối với bị cáo N. Địa điểm tại nhà P, bị cáo cho rằng ai cũng có thể nhìn thấy là không phù hợp, tôi là người trực tiếp khám xét nơi ở của P là ngay con mương rất ít người qua lại, khu vực xung quanh là người lao động đi làm sớm về muộn không ở để liên tục mà có thể quan sát thấy hành vi phạm tội của các bị cáo. Việc truy tố bị cáo về các hành vi làm, lưu hành tiền giả là căn cứ vào sự thật khách quan, các chứng cứ, lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, giao dịch tài khoản ngân hàng cũng như có sự kết nối giữa máy tính xách tay của bị cáo đối với máy in để ở nhà của P, đồng thời trong máy tính thu giữ của bị cáo khi bắt quả tang có chứa phần mềm làm tiền giả, do đó không chỉ sử dụng clip hay hình ảnh bị cáo trình bày mà truy tố đối với bị cáo. Đối với việc bị cáo cho rằng T biết làm tiền giả thì không cần mua tiền giả của bị cáo thì bị cáo T là người thuê nhà gần nhà của P, sau này bị cáo T mới làm tiền giả chứ không phải người làm từ đầu;

Đối với bị cáo H, Q: Luật sư bào chữa trình bày áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không chấp nhận vì số tiền các bị cáo nộp lại là tiền thu lợi bất chính không phải khắc phục hậu quả nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo H, Q;

Đối với bị cáo H: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ truy tố bị cáo tội tàng trữ tiền giả không truy tố tội lưu hành tiền giả;

Đối với T: Xin được khắc phục bồi thường tại phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Bùi Tiến P vắng mặt nên không thể thực hiện được do đó, không xét cho bị cáo;

Đối với bị cáo P: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 2 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì bị cáo đã có hành vi lấy 1 triệu đồng tiền giả của T lưu hành đi mua vé xe và thu giữ tại nhà của bị cáo số tiền 2,5 triệu đồng bị cáo tàng trữ chưa kịp lưu hành;

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo bảo lưu quan điểm không tranh luận thêm.

Bị cáo N trình bày bổ sung: Kiểm sát viên cho rằng có đủ căn cứ làm và lưu hành tiền giả, nhưng máy tính và tất cả máy móc không phải của bị cáo và cơ quan điều tra nói rằng máy móc dụng cụ của bị cáo là không đúng. T chuyển khoản là tiền mượn tiêu vặt của bị cáo chứ không phải để mua tiền giả từ bị cáo, bị cáo không làm và không bán tiền giả.

Viện kiểm sát đối đáp với bị cáo N: Cơ quan cảnh sát điều tra đã thực hiện thu thập chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với sự việc khách quan phù hợp với các lời khai của các bị cáo khác trong vụ án do đó, Viện kiểm sát bảo lưu quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn Trọng N.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về nội dung, quá trình điều tra vụ án và xét hỏi tại phiên tòa thể hiện lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được, bản kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác cơ quan An ninh điều tra đã thu thập chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Bị cáo Nguyễn Văn Trọng N và Phạm Văn P có mối quan hệ quen biết từ trước. Bị cáo P đã cung cấp địa điểm là chỗ ở tại nhà không số, cạnh nhà số A đường HB, phường HBC, thành phố Thủ Đức, để bị cáo N làm tiền giả bán cho các đối

tượng có nhu cầu với tỉ lệ 1:3 (tức là 1.000.000 đồng mua được 3.000.000 đồng tiền giả). Bị cáo N làm tiền giả bằng cách sử dụng máy tính xách tay, gắn USB, kết nối với máy in màu hiệu Epson L805, in tiền giả loại tiền mệnh giá 500.000 đồng, sau đó xịt sơn phủ keo trong lên tiền giả, tạo hoa văn hình hoa sen, cắt các cạnh để hoàn thiện kích thước như tiền thật, xếp và gói kín tiền giả.

Từ ngày 05/12/2023 đến đến ngày 10/01/2024, bị cáo Nguyễn Văn Trọng N đã làm 50.000.000 đồng tiền giả tại nhà của P và bán cho Dương Xuân T 16.000.000 đồng với giá 9.650.000 đồng vào ngày 03/01/2024 và ngày 05/01/2024; cất giấu 8.000.000 đồng tại chỗ ở của Phạm Văn P và N số tiền còn lại 26.000.000 đồng mang theo người để bán cho người khác thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, từ đầu tháng 11/2023 đến ngày 19/12/2023, N bán cho Lê Văn H 135.000.000 tiền giả với giá 45.000.000 đồng. Do đó, N phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả", với tổng số tiền giả có trị giá tương ứng là 185.000.000 đồng và được hưởng lợi số tiền 54.650.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn Trọng N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả" thuộc trường hợp tiền giả có trị giá tương ứng từ 50.000.000 đồng trở lên là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Lời khai bị cáo N tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa cho rằng số tiền giả bị thu giữ là do khách hàng trả công cho bị cáo khi thực hiện sửa chữa máy in, máy tính và nhiều lần nhận tiền của H, T chuyển qua tài khoản ngân hàng cho vay để nộp tiền học cho con và cho rằng không thực hiện hành vi như cáo trạng truy tố. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bị cáo Dương Xuân T, Phạm Văn P và Lê Trung H tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, căn cứ lời khai của H và P phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ khác như kết quả nhận dạng, đối chất giữa H, P với N; kết quả kiểm tra dữ liệu thoại di động, máy tính có các tải phần mềm sửa chữa hình ảnh tiền, tài khoản ngân hàng, thiết bị, dụng cụ làm tiền giả và 26.000.000 đồng tiền giả thu giữ của N… đủ chứng cứ xác định N đã thực hiện hành vi như trên.

Bị cáo Phạm Văn P đã cung cấp địa điểm là chỗ ở của mình để bị cáo Nguyễn Văn Trọng N làm 50.000.000 đồng tiền giả, bị cáo P đã cất giấu 8.000.000 đồng tiền giả trong số 50.000.000 đồng tiền giả do N làm. Đồng thời mỗi lần bị cáo được hưởng lợi số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền hưởng lợi được nhận là 2.000.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo Phạm Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội "Làm, tàng trữ tiền giả" thuộc trường hợp tiền giả có trị giá tương ứng từ 50.000.000 đồng trở lên là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ đầu tháng 11/2023 đến ngày 19/12/2023, Lê Văn H đã nhiều lần mua 135.000.000 đồng tiền giả của Nguyễn Văn Trọng N, giá 45.000.000 đồng. Sau đó, đã bán lại 124.000.000 đồng tiền giả cho nhiều người, thu lời 15.000.000 đồng;

còn lại 11.000.000 đồng tiền giả, H tiếp tục đưa đi bán cho người khác, thì bị phát hiện bắt giữ cùng vật chứng vào ngày 19/12/2023. Hành vi trên của bị cáo Lê Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lưu hành tiền giả" thuộc trường hợp tiền giả có trị giá tương ứng từ 50.000.000 đồng trở lên là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngày 17/12/2023 và ngày 19/12/2023, Lê Văn Q đã 02 lần chở Lê Văn H đi mua tổng cộng 30.000.000 đồng tiền giả của Nguyễn Văn Trọng N và 02 lần chở H đi bán lại 20.000.000 đồng tiền giả cho người khác, được trả 400.000 đồng. Cùng ngày 19/12/2023, Q tiếp tục chở H đi bán 11.000.000 đồng tiền giả, thì bị phát hiện bắt giữ cùng vật chứng. Vì vậy, Q phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Lưu hành tiền giả", với tổng số tiền giả có giá trị tương ứng là 41.000.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo Lê Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lưu hành tiền giả" thuộc trường hợp tiền giả có trị giá tương ứng từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngày 31/12/2023, Dương Xuân T sử dụng 6.000.000 đồng tiền giả để trả tiền mua điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đỏ cho anh Bùi Tiến P là nhân viên của dịch vụ giao hàng Ahamove, tại quán cà phê thuộc phường HBC, thành phố Thủ Đức; vào các ngày 03/01/2024 và ngày 05/01/2024, Dương Xuân Tuấn đã 02 lần mua 16.000.000 đồng tiền giả của Nguyễn Văn Trọng N với giá 9.650.000 đồng, bán lại cho người tên P (không xác định lai lịch), thu lợi 3.000.000 đồng;

Từ tháng 02 năm 2024, T tìm hiểu và làm tiền giả bằng cách xịt sơn phun vào hai mặt giấy nylon khổ A4 để khô, dùng bông xốp quét keo sữa chồng lên lớp sơn phun và sấy khô để tạo phôi in rồi sử dụng máy laptop tải hình ảnh tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, bỏ phôi in vào máy in để in 02 mặt của tờ tiền, dùng dao rọc giấy cạo ô cửa sổ lớn nhỏ (hình bông sen), rồi cắt ra tờ tiền giả thành phẩm có kích thước trùng hợp với tiền thật, xịt sơn nhám lên từng tờ tiền để tạo độ nhám và đã làm 10.500.000 đồng tiền giả tại chỗ ở tại nhà không số, hẻm A, phường HBC, thành phố Thủ Đức và khách sạn AN 1 địa chỉ số A đường TKD, phường TĐ, Quận 1. Do đó, bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả", với tổng số tiền giả có trị giá tương ứng là 32.500.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo Dương Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả" thuộc trường hợp tiền giả có trị giá tương ứng từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trương Bá Phúc và Dương Xuân Tuấn có mối quan hệ từ trước, bị cáo Phúc cất giấu số tiền giả 3.500.000 đồng do bị cáo Tuấn đưa tại nhà số

79/20/1L đường PVC, Phường A, quận BT vào ngày 05/7/2024 và ngày 07/3/2024; và số tiền 1.000.000 đồng do T giao cho P để bán, bị phát hiện bắt quả tang vào cùng ngày 07/3/2024. Do đó, TBP phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả", với tổng số tiền giả có trị giá tương ứng là 4.500.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo Trương Bá P đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả" thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Lê Trung H, vào ngày bắt quả tang 10/01/2024 mang theo 09 tờ mệnh giá 500.000 đồng có trị giá tương ứng 4.500.000 đồng, H muốn sử dụng để tiêu xài nhưng do xấu nên chưa tiêu thụ được thì bị phát hiện. Do đó, bị cáo Lê Trung H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Tàng trữ tiền giả", với tiền giả có trị giá tương ứng là 4.500.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo Lê Trung H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ tiền giả" thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo về các tội danh tương ứng với hành vi của các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến chính sách Nhà nước về quản lý tiền tệ; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nghiêm, cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo cũng như răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Văn P, Lê Văn H, Dương Xuân T, Lê Văn Q, Trương Bá P và Lê Trung H có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo Lê Văn H, Lê Trung H có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo H, Q nộp lại tiền thu lợi bất chính nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn Trọng N, Dương Xuân T, Trương Bá P, Lê Văn H, Lê Văn Q phạm tội thuộc trường hợp từ 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Văn Trọng N và Lê Văn Q còn phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo phạm tội với động cơ, mục đích hưởng lợi nên cần thiết áp dụng khoản 5 Điều 207 của Bộ luật Hình sự phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

[4] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Chấp nhận một phần quan điểm bào chữa của các Luật sư.

[5] Trách nhiệm hoàn trả tài sản: Ông Bùi Tiến P yêu cầu bị cáo Dương Xuân T phải trả 6.000.000 đồng, bị cáo đồng ý nên ghi nhận.

Xử lý vật chứng:

- Đối với 40.000.000 đồng tiền giả (gồm 80 tờ loại mệnh giá 500.000 đồng); 06 bản in hình tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng chưa hoàn chỉnh; 01 bàn cắt bằng gỗ có lưỡi cắt bằng kim loại; 01 cái kéo; 02 thước kẻ; 02 dao rọc giấy; 01 hộp lưỡi dao rọc giấy; 01 miếng lót cách nhiệt; 01 máy sấy hiệu Furin; 02 tập giấy nylon khổ A4 hiệu Deluxe Laminating; 01 đoạn dây có treo 10 tờ giấy nylon khổ A4 phủ sơn trắng; 01 con chuột máy vi tính; 02 miếng vải bao bố; 02 lọ sơn phun hiệu ATM Spray; 01 lọ sơn hiệu Kuroboshi; 05 chai chứa hóa chất; 02 ca nhựa;

- 52 tờ tiền giả (loại mệnh giá 500.000 đồng); 12 tờ giấy trắng cỡ A4; 06 tờ giấy trắng cỡ A3; 02 tờ giấy trắng A4 in chữ "Serial number W87K031548"; 01 con dao cán tròn; 02 con dao rọc giấy; 02 lưỡi dao; 01 điện thoại di động Iphone màu xanh (gắn sim 0906349818) và 01 thẻ nhựa ngân hàng in chữ Vietinbank NGUYEN V T N; 01 ví da màu đen, 01 ba lô màu đen, 01 ba lô sọc đen, trắng;

- 03 tờ bản in tiền giả in 09 hình tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 03 tờ giấy in tiền giả cỡ giấy A4, mỗi tờ có một mặt in 04 tấm hình tờ tiền mặt sau mệnh giá 500.000 đồng; 09 tờ giấy trắng, cỡ giấy A4 mỗi tờ có một mặt giấy in hình hoa văn cửa sổ của tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 06 lọ mực máy in; 02 máy sấy cầm tay màu đen; 04 chai sơn xịt cầm tay hiệu Kurobushi; 01 bịch keo nước hiệu Latex; 01 lọ dung dịch ghi nhãn "nước rửa móng tay"; 01 vỏ chai nước ngọt màu xanh đã bị cắt bỏ phần trên, bên trong còn lại một phần chất màu đục đã bị khô đặc; 01 muỗng nhựa màu trắng; 01 tấm kính kích thước 25 x 50 cm, gắn đế bằng tấm xốp màu trắng kích thước 45 x 60 x 15 cm; 01 tấm kính kích thước 35 x 40 cm được gắn trên đế gỗ; 01 tấm kính kích thước 30 x 30 cm; 01 tấm nhựa trong suốt kích thước 45 x 50 cm; 02 tấm nhựa màu đỏ kích thước 35 x 40 cm, 02 cây thước kẻ; 15 tờ giấy trắng cỡ A4; 08 tờ ép nhựa màu trắng kích thước 15 x 20 cm; 01 túi xách màu trắng và 01 bì thư màu trắng, là vật chứng và công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ;

- 01 máy in màu hiệu Epson; 01 máy laptop hiệu Lenovo; 01 máy tính xách tay hiệu Dell E7250 màu đen; 01 USB vỏ bằng kim loại ghi chữ Kingston; 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh (gắn sim 0934323624); 01 máy in hiệu

Espon L805; 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu Huawei (thu giữ của Dương Xuân T); 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen biển số 59VA-XXX.XX (thu giữ của Nguyễn Văn Trọng N); 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ (gắn 02 sim 0909715XXX và 0896987XXX) và 01 xe gắn máy hiệu Honda biển số 60FD-XXXX (thu giữ của Lê Trung H); 01 điện thoại di động hiệu Oppo (gắn sim 0794141XXX) (thu giữ của Phạm Văn P); 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi và 01 xe mô tô hiệu Honda Vario biển số 59P3-XXX.XX (thu giữ của Lê Văn H); 01 điện thoại di động hiệu Oppo (thu giữ của Lê Văn Q); 01 điện thoại di động hiệu Vivo (thu giữ của Trương Bá P) là phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- Đối với số tiền 450.000 đồng do Nguyễn Văn Trọng N giao nộp; 10.000.000 đồng do gia đình Lê Văn H giao nộp; 400.000 đồng do gia đình Lê Văn Q giao nộp, đây là tiền thu lợi bất chính của các bị cáo nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone thu giữ của Hoàng Thị Hồng L không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bà Lụa.

Buộc các bị cáo nộp lại khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội: Bị cáo Nguyễn Văn Trọng N số tiền 54.650.000 đồng trừ đi số tiền đã nộp 450.000 đồng, buộc bị cáo N nộp lại số tiền 54.200.000 đồng; Bị cáo Lê Văn H nộp số tiền 15.000.000 đồng trừ đi số tiền đã nộp 10.000.000 đồng, buộc bị cáo H nộp số tiền 5.000.000 đồng; Bị cáo Phạm Văn P nộp lại số tiền 2.000.000 đồng; Bị cáo Lê Văn Q nộp số tiền 400.000 đồng, bị cáo Q đã nộp đủ; Bị cáo Dương Xuân T nộp lại số tiền 3.000.000 đồng.

[6] Các vấn đề khác:

- Đối với người phụ nữ sử dụng tài khoản Zalo tên "Khoảng Lặng" và những người khác mua tiền giả của Lê Văn H, không xác định được lai lịch, nên không có cơ sở xem xét xử lý;

- Đối với số điện thoại 0938538XXX và số điện thoại 0587073XXX của Dương Xuân T sử dụng. Kết quả điều tra xác định người đăng ký sử dụng là ông Nguyễn Khắc T và Phi Vũ Trí Đ nhưng không có chứng cứ để chứng minh ông T, ông Đ liên quan đến hành vi phạm tội, nên không có cơ sở để để xem xét xử lý;

- Đối với ông Bùi Tiến P, kết quả điều tra xác định không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Xuân T, nên không xem xét xử lý;

- Đối với số điện thoại 0764833XXX, Lê Trung H khai của H sử dụng, kết quả điều tra xác định do anh Thạch Huỳnh Quốc T đăng ký sử dụng, nhưng không có chứng cứ chứng minh anh T liên quan nên không xử lý;

- Đối với người tên P mua tiền giả của Dương Xuân T và người tên H1 cho Lê Trung H tiền giả để sử dụng, do không xác định được lai lịch, nên không có căn cứ để xử lý;

- Đối với bà Trần Thị S và bà Đinh Thu H là người cho Phạm Văn P, Dương Xuân T thuê nhà, phòng khách sạn AN 1 để ở. Do không biết hành vi các bị cáo thuê làm nơi ở để thực hiện hành vi phạm tội nên không xử lý;

- Đối với bà Hoàng Thị Hồng L là bạn Dương Xuân T không biết 1.000.000 đồng T đưa cho L, để L đưa lại cho Trương Bá P là tiền giả và không liên quan đến hành vi phạm tội của T và P, nên không xem xét xử lý;

- Đối với hành vi ngày 04/3/2024, Dương Xuân T sử dụng Căn cước công dân tên Khưu Quốc C thuê Phòng 203, khách sạn AN 1, để làm tiền giả. Qua xác định Căn cước công dân tên Khưu Quốc C là thật, do T nhặt được, nên Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi "Sử dụng Căn cước công dân của người khác";

- Đối với bà Lê Thị C, Trương Thị Kim P và Trương Bá Đ cùng ở chung với P tại nhà số 79/20/1L đường PVC, Phường A, quận BT, do những người này không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Phúc, nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Trọng N 15 (mười lăm) năm tù về tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2024;

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn Trọng N 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 11 (mười một) năm tù về tội "Làm, tàng trữ tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2024;

Phạt tiền bị cáo Phạm Văn P 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 12 (mười hai) năm tù về tội "Lưu hành tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2023;

Phạt tiền bị cáo Lê Văn H 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

4. Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Dương Xuân T 07 (bảy) năm tù về tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2024;

Phạt tiền bị cáo Dương Xuân T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

5. Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 07 (bảy) năm tù về tội "Lưu hành tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2023;

Phạt tiền bị cáo Lê Văn Q 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

6. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trương Bá P 04 (bốn) năm tù về tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2024;

Phạt tiền bị cáo Trương Bá P 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

7. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Trung H 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2024;

Phạt tiền bị cáo Lê Trung H 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2. Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Dương Xuân T phải trả lại cho ông Bùi Tiến P 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng);

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Trọng N nộp lại số tiền 54.200.000 đồng (năm mươi bốn triệu hai trăm ngàn đồng); Bị cáo Lê Văn H nộp lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); Bị cáo Phạm Văn P nộp lại số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); Bị cáo Dương Xuân T nộp lại số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy: 06 (sáu) bản in hình tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng gồm 03 bản in mặt sau tiền không có số seri, 03 bản in đủ 2 mặt tờ tiền có số seri ZZ 21193681 (của Dương Xuân T); 01 (một) bàn cắt bằng gỗ, lưỡi cắt bằng kim loại 30x40cm; 01 (một) kéo bằng kim loại; 02 (hai) thước kẻ; 02 (hai) dao rọc giấy; 01 (một) hộp đựng lưỡi dao rọc giấy đã qua sử dụng; 01 (một) miếng lót cách nhiệt bạc (của Dương Xuân T); 01 (một) máy sấy tóc hiệu Furin (của Dương

Xuân T); 02 (hai) tập giấy nylon khổ A4 đã qua sử dụng hiệu Deluxe và Laminating; 01 (một) đoạn dây có treo 10 tờ giấy nylon khổ A4 phủ sơn trắng (của Dương Xuân T); 02 (hai) miếng vải bao bố có sơn trắng đã qua sử dụng; 01 (một) lọ sơn bóng hiệu Kuroboshi; 05 (năm) chai, lọ chứa hóa chất, dung dịch (dùng làm tiền giả, đã sử dụng hết); 02 (hai) ca nhựa dùng đựng dung dịch xanh, trắng (keo sữa) đã qua sử dụng (của Dương Xuân T); 21 (hai mươi mốt) tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng có cùng số seri ZZ 21193681 (của Dương Xuân T 12 tờ, của Trương Bá P 09 tờ); 02 (hai) lọ sơn phun hiệu ATM Spray đã qua sử dụng (của Dương Xuân T); keo dán hiệu Latex (keo sữa), số lượng: 01 (một) túi, đặc điểm: Keo lỏng đựng trong túi nhựa kín, tình trạng: Chưa sử dụng; túi xách, số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Loại ba lô có quai đeo sau lưng, in hoa văn sọc đen trắng, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; túi xách, số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Loại túi có quai xách tay, màu xám trắng, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; bì thư, số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Bì thư giấy màu trắng (loại thiệp cưới), tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; mực in màu, số lượng: 6 (sáu) chai, đặc điểm: Loại mực dùng cho máy in màu, tình trạng: Đã qua sử dụng; dao, số lượng: 02 (hai) cái, đặc điểm: Loại dao rọc giấy, dài 13cm, vỏ ngoài bằng kim loại, hình dẹt, có gắn lưỡi dao, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; chai nhựa đựng dung dịch, số lượng: 1 (một) chai, đặc điểm: Dán nhãn "Nước của móng tay", tình trạng: Đã qua sử dụng; tấm kính (kiếng), số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Bằng thủy tinh, kích thước khoảng 50x25cm, được gắn bên trên tấm đế bằng xốp màu trắng, kích thước khoảng 60x45x15cm; tấm kính (kiếng), số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: bằng thủy tinh kích thước 40x35cm, được gắn trên đế bằng gỗ, tình trạng: Bị nứt; tấm nhựa, số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Loại nhựa mi-ca trong suốt, kích thước 50x45cm; thước kẻ, số lượng: 02 (hai) cái, đặc điểm: Loại thước thẳng bằng kim loại; bóp da, số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Hình chữ nhật màu nâu có hoa văn sọc ca-rô màu vàng, đen, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; bóp da, số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Loại bóp đựng tiền, màu đen, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; máy sấy, số lượng: 2 (hai) cái, đặc điểm: Loại máy cầm tay, sấy nóng bằng điện, vỏ ngoài bằng nhựa màu đen, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; thẻ nhựa, số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Loại thẻ ngân hàng có màu xanh, in chữ Vietinbank, Nguyen V T N, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; tấm kính (kiếng), số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Bằng thủy tinh, hình vuông có cạnh dài 20cm, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; thước kẻ, số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Loại thước thẳng, dài 30cm, bằng kim loại, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; dao, số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Loại dao rọc dài 14cm, cán dao hình trụ tròn, một đầu gắn lưỡi dao nhọn dài 2,5cm, bằng kim loại, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; túi xách, số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Loại ba lô có quai đeo sau lưng, màu đen, có in nội dung chữ màu trắng TIBIORIGINAL, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; tấm kính (kiếng), số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Bằng thủy tinh, kích thước 30x30cm (hình vuông); tấm nhựa, số lượng: 02 (hai) cái, đặc điểm: Màu đỏ, kích thước 40x35cm;

một phần vỏ chai nhựa, màu xanh, số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Phần dưới của vỏ chai nước ngọt loại 1,5 lít, bị cắt bỏ nửa phần phía trên, bên trong có chứa phần chất màu nâu đục đã bị khô đặc và 01 muỗng nhựa màu trắng; tờ ép nhựa (polymer), số lượng: 10 (mười) tờ, đặc điểm: Kích thước cỡ A4, lưỡi dao, số lượng: 02 (hai) cái, đặc điểm: Dài 04cm để bên trong hộp nhựa, tình trạng: Đã qua sử dụng; giấy trắng A4, số lượng: 12 (mười hai) tờ, đặc điểm có chữ ký xác nhận của Nguyễn Văn Trọng N; tờ nhựa (polymer), số lượng: 08 (tám) tờ, đặc điểm: màu trắng đục, kích thước 15x20cm; tiền giả, số lượng: 52 (năm mươi hai) tờ, đặc điểm: Giả loại tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000đ, có số sê-ri tờ tiền: JA 11624514; MK 12243115; MK 12354622; MK 12673216; QC 12489126; QC 24327518; AB 23226518; JK 12227215; MK 11237221; MK 12243115; MK 12354622; QK 11358513 (02 tờ); QK 12374426 (02 tờ); QK 11645412; QK 12437425; ZG 13347816; ZG 13652217; ZG 23148422; AB 12327523; AB 22123342; BS 12232516 (02 tờ); BS 14212522; JA 11216512; JA 22173321; JA 23217524; JA 25321141; JK 12524614; JK 21254723; KD 11562914; KD 16242321; LR 14362215; MG 212637715; NK 12634116; NK 13217124; NK 21314426; OS 12143315; OS 12264712; OS 21324423; QB 11254214; QC 12489126; QK 11358513; VS 24112624; WJ 14237623; WJ 21247521; WJ 22187726; YG 22317724; YZ 12257324; ZN 12153316; ZN 22149621; tiền giả, số lượng: 09 (chín) tờ; đặc điểm: Giả loại tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000đ, có số sê-ri tờ tiền: LR 21326923; ZN 12153316; FK 32162261; JA 11216512; KV 12142431; MK 12243115; WJ 11221412; WJ 14237623; ZN 22149621; tiền giả, số lượng: 16 (mười sáu) tờ; đặc điểm: Giả loại tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000đ, có số sê-ri tờ tiền: QC 12489126 (03 tờ); MK 12673216; WJ 11221412; ZY 14362242; JA 11216512; AZ 16134325; LS 12337226; WJ 13211321; WJ 22187726; JA 11624514; LS 22251245; QC 24327518; LS 22143236; 01 tờ không rõ số sê-ri; giấy trắng A4, số lượng: 15 (mười lăm) tờ; Đặc điểm có chữ ký xác nhận của Phạm Văn P; giấy trắng A3, số lượng: 06 (sáu) tờ; đặc điểm có chữ ký xác nhận của Nguyễn Văn Trọng N; 04 (bốn) chai sơn xịt, loại cầm tay, hiệu Kurobushi; 22 (hai mươi hai) tờ tiền loại mệnh giá 500.000 đồng, có các số seri trên từng tờ cụ thể: AF 14227954; LF 21334221 ; OC 12647221; OC 13674436; AP 22132624; MG 12244632; LF 22134743 (02 tờ); JH 13224241; BK 12357212; LR 13447812; AF 12427812; OC 11423312; OC 12451523; PE 21156962; JH 11325414; FK 12235431; QK 12437425; FK 12327232; AF 13531544; AP 23255426; AF 33215448; 01 (một) tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng có số seri KD 11562914; 01 (một) tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng có số Seri MK 12673216; 01 (một) tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng có số Seri ZN 22149621; 01 (một) tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng có số seri ZN 12153316; 01 (một) tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng có số Seri QB 11254214; 01 (một) tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng có số seri LR 13224317; 01 (một) tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng có số seri LR 14362215; 02 (hai) tờ tiền giả mệnh giá 500.000

đồng có cùng số seri MK 12354622; 01 (một) tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng có số Seri QB 12525224; 01 (một) tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng có số seri MG 12637715; 01 (một) tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng có số seri AF 33215448.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 xe hai bánh gắn máy, Nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, dung tích xi lanh: 109,5, BS: 59VA-XXX.XX, SK (số mờ): RLHJK0347PY371956, SM (số mờ): JK03E-2779743 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra); 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: không xác định, số loại: không xác định, dung tích xi lanh: không xác định, BS: 60FD-XXXX, SK: LC150FMG-01545715; SM: C50-6236236 (không bửng, không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra); 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: HONDA, số loại: VARIO, Dung tích xi lanh: 124,88, BS: 59P3-XXX.XX, SK: MH1JM5118MK815323, SM:JM51E-1814835, (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra); 01 (một) điện thoại di động Nokia không có sim, không mở được nguồn, đã qua sử dụng (của Dương Xuân T) (không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) máy Laptop hiệu Lenovo (kèm 01 con chuột vi tính) S/N: ABU0190897 (chuột dây) (của Dương Xuân T); 01 (một) máy in màu hiệu Epson (cũ, hỏng) (của Dương Xuân T); 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei (của Dương Xuân T) (lưng, màn hình bể nát, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo (của Trương Bá P) (màn hình bể, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); điện thoại di động, số lượng: 01(một) cái; đặc điểm: Hiệu Oppo, số Imei: 862627055948910, vỏ mặt lưng màu xanh, gắn sim điện thoại số 079 4141412; tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng (không kiểm tra đời máy, Imei, số sim điện thoại do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); điện thoại di động, số lượng: 01 (một) cái; đặc điểm: Hiệu Oppo, số Imei: 868476034555196, vỏ mặt lưng màu đỏ, gắn hai sim điện thoại số 090 971 XXXX và 089 698 XXXX; tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng (không kiểm tra đời máy, Imei, số sim điện thoại do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); thiết bị máy in màu, số lượng: 01(một) cái; đặc điểm: Hiệu Epson L805, vỏ nhựa màu đen, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; máy tính xách tay (Lap-top), số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Hiệu Dell E7250, vỏ ngoài bằng nhựa màu đen; tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng; điện thoại di động, số lượng: 01 (một) cái, đặc điểm: Hiệu Vivo, vỏ mặt lưng màu xanh, số Imei 867253058167138, gắn sim số 093 432 3XXX; tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng (không kiểm tra đời máy, Imei, sim số do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); điện thoại di động, số lượng: 01 (một) cái; Đặc điểm: Hiệu Iphone, vỏ mặt lưng màu xanh, số Imei: 35 304111 3636499, gắn sim số 090 634 XXXX; tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng (thực nhận 01 điện thoại di

động kiểu dáng Iphone, Imei khay sim: ...636499, không kiểm tra đời máy, Imei, sim số do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); thiết bị lưu trữ (USB) hiệu Kingston, vỏ ngoài bằng kim loại; 01 (một) điện thoại di động màu xanh có chữ Oppo (không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) điện thoại di động màu đen có chữ Xiaomi (màn hình bể, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong) và số tiền 10.850.000 đồng;

- Trả lại cho bà Hoàng Thị Hồng L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S (của Hoàng Thị Hồng L) (thực nhận 01 điện thoại di động Iphone, IC-579C-E2946A, trầy tróc, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong);

(Theo biên bản tang tài vật số NK2025/213 ngày 20/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy nộp tiền ngày 28/6/2024 và 03/10/2024 vào tài khoản số 39490905977500000 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Dương Xuân T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Châu

Nơi nhận:
- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Phòng PV06 - Công an TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (4)
- Trại giam; (1)
- Đương sự; (4)
- Cục THA Dân sự TP.HCM; (1)
- THA Hình sự; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (30) (5)